

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HS-ST
Ngày 07/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân H.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn D
2. Bà Huỳnh Thị Ngọc D

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hiền B - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thế Q - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022 tại: Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2022/HSST ngày 25 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 24/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Đặng Văn V - Giới tính: Nam - Tên gọi khác: không; sinh năm 1987 tại tỉnh G; nơi cư trú: Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông Đặng Văn H, sinh năm: 1939 và bà Võ Thị T, sinh năm 1957. Hiện cha, mẹ bị cáo trú tại: Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G; gia đình bị cáo có 03 chị em, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1994, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Tốt;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/11/2021, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh G, có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:**

1/ Ông **A**, sinh năm: 1982; Trú tại: Thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

2/ Bà **Lê Thị Th**, sinh năm: 1964; Trú tại: Thôn 3, xã TB, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

3/ Ông **Dương Văn H**, sinh năm: 1971; Trú tại: Thôn 2, xã TB, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

4/ Bà **Nguyễn Thị Uyên L**, sinh năm: 1975; Trú tại: Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

5/ Bà **Bùi Thị Nh**, sinh năm: 1979; Trú tại: Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

6/ Ông **Nguyễn Tr**, sinh năm: 1975; Trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1/ Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1982; Trú tại: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

2/ Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm: 1979; Trú tại: Thôn H 2, xã K, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong khoảng thời gian từ ngày 06/10/2021 đến ngày 09/11/2021 trên địa bàn các xã H, TB, HB và thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G, Đặng Văn V đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 06 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 14 giờ chiều, ngày 06/10/2021, V đi bộ từ nhà thuộc Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G đến làng K, xã H, huyện Đ, tỉnh G thì thấy xe mô tô, kiểu dáng xe Wave, biển kiểm soát (BKS) 81T1- 7145 của anh A (sinh năm 1982; trú tại: Làng K, xã H, huyện Đ, tỉnh G) đang dựng tại lô cao su không có người trông coi nên V đã lấy trộm chiếc xe mô tô trên. Sau đó, V bẻ biển số đưa về nhà cất giấu rồi V điều khiển xe mô tô trộm cắp được đến bán cho anh Nguyễn Văn Q (sinh năm 1979; trú tại: Thôn H 2, xã K, huyện Đ, tỉnh G) với số tiền 600.000 đồng, số tiền trên V đã tiêu xài cá nhân hết.

Theo Kết luận định giá tài sản số 142 ngày 27/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, tỉnh G xác định: Xe mô tô BKS 81T1-7145 đến thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá là: 4.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 12 giờ ngày 10/10/2021, Đặng Văn V một mình đi bộ từ nhà thuộc Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G xuống khu vực rẫy cà phê của người dân thuộc Thôn 1, xã TB, huyện Đ, tỉnh G thì phát hiện xe mô tô kiểu dáng Dream BKS 81K1- 9255 (số máy: T100E1741199; số khung: 100DXC724620) của chị Lê Thị Th (sinh năm 1964; trú tại: Thôn 3, xã TB, huyện Đ, tỉnh G) đang dựng tại lề đường gần rẫy chanh dây của chị Thảo, không có người trông coi nên V đã lấy trộm chiếc xe trên. Sau đó, V tháo biển số xe mô tô 81K1- 9255 và bẻ thành nhiều mảnh nhỏ rồi cất giấu trong nhà và lắp biển số 81FC- 4340 để làm phương tiện đi lại.

Theo Kết luận định giá tài sản số 142 ngày 27/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, tỉnh G xác định: Xe mô tô BKS 81K1- 9255 đến thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá là: 2.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào khoảng 12 giờ ngày 16/10/2021, V đi bộ từ nhà thuộc Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G xuống khu vực rẫy cà phê của người dân thuộc Thôn 3, xã TB, huyện Đ, tỉnh G thì phát hiện xe mô tô kiểu dáng Wave BKS 81K5-1210 (số máy 52FMHA001894; số khung: ZUM6B000002) của anh Dương Văn H (sinh năm 1971; trú tại: Thôn 2, xã TB, huyện Đ, tỉnh G) dựng tại đường bờ lô cà phê không có người trông coi nên V đã lấy trộm chiếc xe trên. V điều khiển xe mô tô đi đến tiệm thu mua phế liệu của anh Nguyễn Văn M (sinh năm 1982; trú tại: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G) bán cho anh M với số tiền 600.000 đồng, số tiền trên V đã tiêu xài cá nhân hết.

Theo Kết luận định giá tài sản số 142 ngày 27/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, tỉnh G xác định: Xe mô tô BKS 81K5-1210 đến thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá là: 2.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Vào khoảng 10 giờ, ngày 22/10/2021, V đi bộ từ nhà thuộc Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G đến khu vực rẫy cà phê của người dân gần dự án TNR thuộc Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius BKS 81B1-777.52 (số máy: 5C643353310; số khung: C640AY335307) của chị Nguyễn Thị Uyên L (sinh năm 1975, trú tại: Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G) đang dựng tại rẫy của gia đình nên V đã lấy trộm xe mô tô trên điều khiển đi đến tiệm thu mua phế liệu của anh Nguyễn Văn M (sinh năm 1982; trú tại: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G) bán cho anh M với số tiền 800.000 đồng, số tiền trên V đã tiêu xài cá nhân.

Theo Kết luận định giá tài sản số 142 ngày 27/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, tỉnh G xác định: Xe mô tô BKS 81B1-777.52 đến thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá là: 7.000.000 đồng.

Lần thứ năm: Vào khoảng 09 giờ ngày 02/11/2021, Đặng Văn V đi bộ từ nhà thuộc Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G đến khu vực rẫy cà phê của người dân thuộc làng Weh, xã HB, huyện Đ, tỉnh G. Khi V đi đến nhà rẫy của chị Bùi Thị Nh (sinh năm 1979; trú tại: Thôn 5, xã N, huyện Đ, tỉnh G), V phát hiện xe mô tô kiểu dáng Dream BKS 81F5-6383 (số máy: 150FMG10910057; số khung: XCGK10XA000970) của chị Bùi Thị Nh đang dựng tại rẫy cà phê, không có người trông coi nên V lấy trộm xe mô tô trên sau đó điều khiển đến tiệm thu mua phế liệu của anh Nguyễn Văn M (sinh năm 1982; trú tại: Thôn C, xã K, huyện Đ, tỉnh G) bán cho anh M với số tiền 600.000 đồng, số tiền trên V đã tiêu xài cá nhân.

Theo Kết luận định giá tài sản số 142 ngày 27/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, tỉnh G xác định: Xe mô tô BKS 81F5-6383 đến thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá là: 2.000.000 đồng.

Lần thứ sáu: Vào khoảng 12 giờ ngày 09/11/2021, Đặng Văn V đi bộ từ nhà thuộc Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G xuống khu vực rẫy cà phê của người dân thuộc Thôn 3, xã TB, huyện Đ, tỉnh G với mục đích thấy người dân sơ hở trộm cắp tài sản. Khoảng 13 giờ cùng ngày Đặng Văn V phát hiện thấy xe mô tô BKS 81F5-3056 của anh Nguyễn Tr (sinh năm 1975; trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G) đang dựng ở khu vực rẫy cà phê và lô cao su, chìa khóa xe vẫn còn cắm ở ổ khóa điện, không có người trông coi nên V đã lấy trộm xe mô tô trên. V dắt xe mô tô trộm cắp được cách chỗ để xe khoảng 01 Km rồi dùng kim nhặt được tháo biển số vứt đi và dắt xe vào bụi

cỏ gần đó đợi đến chiều khi vắng người qua lại thì đến lấy; V lấy chìa khóa xe mô tô BKS 81F5-3056 cài vào chum chìa khóa của V. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, anh Tr ra chỗ dựng xe mô tô phát hiện xe mô tô bị mất nên anh Tr gọi thêm anh Phan Thanh S (sinh năm 1972, trú tại: Thôn 3, xã TB, huyện Đ, tỉnh G) là anh vợ của anh Tr để cùng đi tìm. Khi anh Tr và anh S đi tìm kiếm xe mô tô trên thì phát hiện xe mô tô của anh Tr đang giấu tại một bụi cỏ của lô cao su khác cách rẫy cà phê của anh Tr khoảng 01 Km. Xe mô tô đã bị tháo biển số xe và không thấy chìa khóa xe mô tô mà trước đó anh Tr cắm trên xe. Lúc này, anh S thấy Đặng Văn V đi bộ tới lô cao su trên nên nghi ngờ, anh S và Trường hỏi V: “Mày trộm xe máy tao phải không?” thì V bỏ chạy. Thấy vậy, anh S và Trường đuổi theo bắt giữ V rồi giao cho Công an xã TB, huyện Đ, tỉnh G xử lý theo quy định.

Theo Kết luận định giá tài sản số 124 ngày 12/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ, tỉnh G xác định: Xe mô tô BKS 81F5-3056 đến thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá là: 8.000.000 đồng.

Như vậy, tổng trị giá tài sản bị cáo Đặng Văn V chiếm đoạt đối với 06 xe mô tô là 25.000.000 đồng.

2. Về vật chứng: Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 Giấy đăng ký cấp cho xe mô tô BKS 81T1-7145 do A giao nộp.
 - 01 xe mô tô không biển số; kiểu dáng Wave; số máy: 52FMH007032; số khung: 2UM7XG07032 do anh Nguyễn Văn Q giao nộp.
 - 01 xe mô tô nhãn hiệu: DAELIM; số loại: C100; kiểu dáng Dream; số máy: CT100E1741199; số khung: CT100DXC724630 gắn biển số 66FC- 4340.
 - 01 biển số xe mô tô 81F5- 6383 (bị bẻ thành 05 mảnh);
 - 01 biển số xe mô tô 81K5- 1210 (bị bẻ thành 03 mảnh);
 - 01 biển số xe mô tô 81T1- 7145 (bị bẻ thành 05 mảnh);
 - 01 biển số xe mô tô 81B1- 777.52 (bị bẻ thành 05 mảnh);
 - 01 biển số xe mô tô 81K1- 9..55 (bị bẻ thành 04 mảnh, mất chữ số tại hàng thứ 2).
- Những vật chứng trên thu giữ khi khám xét tại nơi ở của Đặng Văn V.*
- 01 chiếc kim bấm, cán bọc nhựa màu đỏ, kích thước 16,5 cm x 05cm;
 - 01 chum chìa khóa gồm 05 chìa (trong đó có 02 chìa khóa xe nhãn hiệu Hon da);
 - 01 xe mô tô, nhãn hiệu: AMA; kiểu dáng: Dream; số máy: T100E1820724; số khung: 100DYC821176;
 - 01 ví da màu nâu bên trong có, bên trong có 01 Giấy đăng ký cấp cho xe mô tô BKS 81K1-9255;
 - Tiền Việt Nam đồng: 175.000 đồng.

Những vật chứng trên thu giữ của Đặng Văn V khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp.

Quá trình điều tra xác định:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu: AMA; kiểu dáng: Dream; số máy: T100E1820724; số khung: 100DYC821176 và 01 chìa khóa xe thuộc sở hữu của anh Nguyễn Tr nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

- Đối với xe mô tô kiểu dáng Wave; số máy: 52FMH007032; số khung: 2UM7XG07032 và 01 biển số xe mô tô 81T1-7145 (bị bể thành 05 mảnh) thuộc sở hữu của anh A nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu: DAELIM; kiểu dáng Dream; số máy: CT100E1741199; số khung: CT100DXC724630 và 01 biển số xe mô tô 81K1- 9...55 (bị bể thành 04 mảnh bị mất chữ số tại hàng thứ 2) và 01 Giấy đăng ký cấp cho xe mô tô BKS 81K1- 9255 thuộc sở hữu của chị Lê Thị Th nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

- Đối với biển số xe cấp cho xe mô tô 81F5- 6383 (bị bể thành 05 mảnh) thuộc sở hữu của chị Bùi Thị Nh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

- Đối với biển số xe cấp cho xe mô tô 81K5- 1210 (bị bể thành 03 mảnh) thuộc sở hữu của anh Dương Văn H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

- Đối với biển số xe cấp cho xe mô tô 81B1- 777.52 (bị bể thành 05 mảnh) thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị Uyên L nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

- Đối với 01 chùm chìa khóa có 05 chìa, trong đó xác định có 01 chìa là chìa khóa xe mô tô của anh Nguyễn Tr còn lại 04 chìa khóa và 01 ví màu nâu thuộc sở hữu của bị cáo Đặng Văn V không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

- Đối với số tiền 175.000 đồng và 01 chiếc kim bấm có liên quan đến việc phạm tội của Bị cáo Đặng Văn V nên chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định.

- Đối với biển số xe 81F5- 3056, sau khi V trộm cắp xe mô tô BKS 81F5- 3056, V đã tháo và vứt biển số xe tại khu vực V cất giấu xe mô tô. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành truy tìm nhưng không tìm thấy.

- Đối với xe mô tô BKS 81K5-1210; xe mô tô BKS 81B1-777.52 và xe mô tô BKS 81F5-6383, quá trình điều tra Đặng Văn V khai nhận, sau khi trộm cắp được tài sản V đã bán cho anh Nguyễn Văn M, nhưng anh M chỉ thừa nhận mua 02 xe mô tô là xe mô tô BKS 81K5-1210 và xe mô tô BKS 81F5-6383, khi mua xe không có biển số, sau khi mua xe anh M đã tháo rời linh kiện để bán phế liệu nên không thu giữ được.

- Đối với biển số xe 66FC-4340, quá trình điều tra Đặng Văn V khai nhận, V nhặt được biển số trên nên sau khi trộm cắp được xe mô tô BKS 81K1-9255, V đã tháo biển số 81K1-9255 ra và lắp biển số 66FC-4340 sử dụng làm phương tiện đi lại. Qua công tác tra cứu xác định biển số xe 66FC-4340 được cấp cho xe hai bánh dưới 50cm³, nhãn hiệu Honda chủ xe là Dương Đông Ng, có địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra Quyết định ủy thác điều tra cho Cơ quan

Cảnh sát điều tra công an huyện L để làm rõ nguồn gốc xe biển số 66FC-4340 chưa có kết quả nên tách ra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

3. Về dân sự:

- Bị hại chị Bùi Thị Nh do chưa thu hồi được tài sản bị chiếm đoạt nên yêu cầu Bị cáo Đặng Văn V bồi thường số tiền là 2.000.000 đồng.

- Bị hại anh Dương Văn H do chưa thu hồi được tài sản bị chiếm đoạt nên yêu cầu Bị cáo Đặng Văn V bồi thường số tiền là 2.000.000 đồng.

- Bị hại chị Nguyễn Thị Uyên L do chưa thu hồi được tài sản bị chiếm đoạt nên yêu cầu Bị cáo Đặng Văn V bồi thường số tiền là 7.000.000 đồng.

- Những người bị hại anh Nguyễn Tr, A và Lê Thị Th đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu bị cáo Đặng Văn V bồi thường về dân sự.

Bị cáo Đặng Văn V đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của những người bị hại với tổng số tiền là 11.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến nay bị cáo chưa bồi thường.

4. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 24/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G truy tố bị cáo Đặng Văn V về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo V phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo V từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù;

Về vật chứng: Đối với 01 chiếc kim bấm, cán bọc nhựa màu đỏ, kích thước 16,5 cm x 05cm không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 175.000 đồng thu giữ của bị cáo, không có liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo; tuy nhiên, bị cáo có nghĩa vụ phải thi hành phần dân sự trong vụ án nên tiếp tục bảo thủ để đảm bảo thi hành án.

Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 11.000.000 đồng cho những người bị hại, cụ thể: Bồi thường cho chị Bùi Thị Nh số tiền 2.000.000 đồng; bồi thường cho anh Dương Văn H số tiền 2.000.000 đồng; bồi thường cho chị Nguyễn Thị Uyên L số tiền 7.000.000 đồng;

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 06/10/2021 đến ngày 09/11/2021 trên địa bàn các xã H, TB, HB và thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G, lợi dụng sơ hở của những người bị hại, Đặng Văn V đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 06 xe mô tô gồm: Xe mô tô BKS 81T1-7145 của anh A có trị giá là 4.000.000 đồng; xe mô tô BKS 81K1-9255 của chị Lê Thị Th có trị giá là 2.000.000 đồng; xe mô tô BKS 81K5-1210 của anh Dương Văn H có trị giá là 2.000.000 đồng; xe mô tô BKS 81F5-6383 của chị Bùi Thị Nh có trị giá là 2.000.000 đồng; xe mô tô BKS 81B1-777.52 của chị Nguyễn Thị Uyên L có trị giá là 7.000.000 đồng và xe mô tô BKS 81F5-3056 của anh Nguyễn Tr có trị giá là 8.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo Đặng Văn V chiếm đoạt của những người bị hại là 25.000.000 đồng, với số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội là 2.600.000 đồng.

Bị cáo hoàn toàn nhận thức được quyền sở hữu về tài sản của công dân là bất khả xâm phạm được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản bất hợp pháp đều bị pháp luật trừng trị. Tuy nhiên, bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, nhiều lần lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong quản lý tài sản, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Bị cáo có nghề nghiệp, sống cùng với gia đình, số tiền có được từ việc phạm tội bị cáo không sử dụng vào nguồn sống chính nên không thuộc trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội hai lần trở lên (06 lần) là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng:

Các vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra đã được xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với 01 chiếc kim bấm, cán bọc nhựa màu đỏ, kích thước 16,5 cm x 05cm không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 175.000 đồng thu giữ của bị cáo, không có liên quan đến việc phạm tội; tuy nhiên, cần tiếp tục bảo thủ để đảm bảo thi hành án.

[5] Về dân sự: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ các thiệt hại cho những người bị hại nhưng chưa bồi thường được. Vì vậy, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Bùi Thị Nh số tiền 2.000.000 đồng; bồi thường cho anh Dương Văn H số tiền 2.000.000 đồng và bồi thường cho chị Nguyễn Thị Uyên L số tiền 7.000.000 đồng.

[6] Về các vấn đề khác: Đối với anh Nguyễn Văn M là người đã mua 02 xe mô tô BKS 81K5-1210 và xe mô tô BKS 81F5-6383; anh Nguyễn Văn Q là người đã mua xe mô tô kiểu dáng Wave Số máy: 52FMH007032; Số khung: 2UM7XG07032. Khi mua xe, anh M và anh Quân không biết đó là tài sản do V phạm tội mà có nên không xử lý về hình sự đối với anh M và anh Quân là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Đặng Văn V** phạm tội: *“Trộm cắp tài sản”*

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Văn V 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 09/11/2021).

3. Về dân sự: Áp dụng các Điều 468, 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Đặng Văn V phải bồi thường cho chị Bùi Thị Nh số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), bồi thường cho anh Dương Văn H số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và bồi thường cho chị Nguyễn Thị Uyên L số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc kim bấm, cán bọc nhựa màu đỏ, kích thước (16,5 x 05) cm.

Tình trạng vật chứng như thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/4/2022 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

- Tiếp tục bảo thủ số tiền 175.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) của bị cáo Đặng Văn V để đảm bảo thi hành án, theo số tài khoản 5012203000016 của Tài khoản tạm giữ Công an huyện Đ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện Đ - Đông G.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đặng Văn V phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) và 541.250 đồng (*Năm trăm bốn mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/4/2022), bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND tỉnh G
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người TGTG khác;
- Lưu HS, AV, VP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân H